TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2024/HS-ST
Ngày: 15/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Chu Thị Thanh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 147/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lương Văn N, sinh năm 1985 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 17/7 đường F, khu phố F, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Minh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Có vợ tên Nguyễn Thị Diễm T1 và 02 (hai) con sinh năm 2006, 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 02/8/2023 (có mặt).

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, địa chỉ: Hẻm D đường B, tổ G, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1988, địa chỉ: Số B đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1993, địa chỉ: Hẻm D đường B, tổ G, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/8/2023, anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Khu phố C, phường P, thành phố B, chỗ ở:T, khu phố D, phường P, thành phố B đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trình báo về việc bị Lương Văn N lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào tháng 6/2023.

Qua xác minh, ngày 02/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đưa Lương Văn N về làm việc. Tại cơ quan điều tra, N khai nhận như sau: Vào khoảng giữa tháng 6/2023, N có gặp người bạn ngoài xã hội tên Lê Anh V. Qua trao đổi với V, N được biết vợ của Nguyễn Văn B là Nguyễn Thị T2 và chị của B tên Trần Thị Thu H bị phát hiện về hành vi ghi số đề; T2 đã bị xử lý, còn H đang ở Campuchia nên chưa về làm việc. Hiện nay H và B đang tìm người giúp cho H thoát tội còn T2 được hưởng án treo. Nghe V1 nói vậy, mặc dù không quen biết hay có mối quan hệ nào với ai làm trong cơ quan pháp luật nhưng N vẫn nói có thể giúp cho T2 và H bằng cách nhờ người làm trong cơ quan pháp luật để lo cho T2 và H nhẹ tội, được hưởng án treo. V1 hỏi N khoảng 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) lo được không, N nói khoảng 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) lo được. Lúc này, V1 có điện thoại báo cho H là lo cho T2 và H hết 300.000.000đ, theo đó phải đưa trước 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), sau khi xong việc sẽ đưa tiếp 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) còn lại. H và B đồng ý, hẹn vài ngày sau sẽ đưa tiền. Khoảng 05 ngày sau, V1 hẹn B ra quán cà phê C ở ngã tư N - N, phường P, thành phố B gặp N để đưa tiền. Khi N đi taxi đến quán cà phê C thì thấy B đang ngồi với V1 nên vào ngồi cùng, còn tài xế ngồi ở bàn khác chờ. Trong quá trình nói chuyện, B đưa cho N túi ni lông màu xanh, bên trong có 04 cọc tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), B nói là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) nhờ anh lo giúp cho vợ và chị em, N nhận tiền rồi ra xe taxi về nhà ở ấp N, xã H, thành phố B cất tiền trong tủ. Sau khi đưa tiền cho N, B nhiều lần điện thoại hỏi N về nội dung lo cho T2 và H. Mặc dù không liên hệ với ai, nhưng N vẫn nói với B là đã lo cho mấy sếp, cứ yên tâm. Đến ngày 31/7/2023, B tiếp tục điện thoại cho N hỏi lo mà sao để H bị Công an thành phố B tạm giữ, thì N trấn an Bình là giữ ba ngày rồi sẽ thả, đồng thời yêu cầu B đưa thêm 20.000.000đ (hai trăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để đưa cho mấy sếp nhưng B nói không có tiền. Ngày 02/8/2023, N đến cơ quan Công an làm việc, khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Qua làm việc, Nguyễn Văn B và Trần Thị Thu H khai nhận: Vào ngày 02/6/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt quả tang Nguyễn Thị T2 về hành vi ghi số đề. Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra, T2 khai nhận ghi số đề giúp cho Trần Thị Thu H. Khoảng 01 tuần sau khi T2 bị bắt, H gọi điện thoại cho Lê Anh V, sinh năm 1989, trú tại tổ H, khu phố A, thành phố V, nhờ V tìm người lo giúp H và T2 được nhẹ tội, V đồng ý. Sau đó Văn báo với H là tìm được người lo cho H tách ra khỏi vụ án, còn T2 sẽ được hưởng án treo với số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), theo đó sẽ đưa trước 200.000.000đ (hai trăm triệu), khi nào xong việc đưa tiếp 100.000.000đ (một trăm triệu) còn lại, H đồng ý. Sau đó, H gọi điện nói B đi vay tiền và liên hệ với V để nhờ người lo việc. Khoảng vài ngày sau, V hẹn B ra quán cà phê C ở ngã tư N - N, phường P, thành phố B để đưa tiền. Tại đây, B gặp V, N và đưa cho N 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Những ngày sau đó, B nhiều lần điện thoại hỏi N về việc lo cho T2 và H tới đâu rồi thì N bảo đã lo cho mấy sếp rồi. Đến

ngày 31/7/2023, H đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú, khai nhận về hành vi ghi số đề và bị tạm giữ hình sự. Lúc này, B tiếp tục điện thoại cho N hỏi sao lo mà H vẫn bị Công an thành phố B tạm giữ, thì N nói là giữ ba ngày rồi sẽ thả, quy trình làm việc là vậy đồng thời yêu cầu B đưa thêm 20.000.000đ (hai trăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để đưa cho mấy sếp nhưng B nói không có tiền. Nghi ngờ N lừa đảo, nên ngày hôm sau B tố cáo sự việc với cơ quan Công an và giao nộp 01 đĩa DVD ghi âm nội dung B trao đổi N.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 đĩa DVD chứa 09 file ghi âm các cuộc gọi giữa Nguyễn Văn B và Lương Văn N do Nguyễn Văn B giao nộp, chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, imei 3548.6089.2243.840, có gắn sim số 0911.770.991, imei sim 89840.20001.06961.34857 của Lương Văn N.

- Tiền Việt Nam đồng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) Lương Văn N giao nộp.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa ra Quyết định chuyển vật chứng hiện đang tạm giữ đến chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa bảo quản, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị H và anh B yêu cầu mỗi người được nhận lại 100.000.000đ (một trăm triệu).

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSBR ngày 19/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa đã truy tố bị cáo Lương Văn N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Anh V, có hành vi liên hệ với Lương Văn N để Nguyễn Văn B đưa tiền nhờ giúp cho Trần Thị Thu H và Nguyễn Thị T2 được nhẹ tội trong vụ việc ghi số đề bị cơ quan Công an bắt quả tang vào tháng 6/2023. Qua xác minh, Lê Anh Văn h không sinh sống tại địa chỉ thường trú nên chưa triệu tập làm việc được, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức án từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả cho bị cáo 01 điện thoại đã thu giữ do không liên quan đến hành vi phạm tội; trả cho anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị Thu H mỗi người 100.000.000 đồng.

- Bị cáo công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần mức án.

- Bị hại: Đồng ý với tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt và xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng giữa tháng 6/2023, Lương Văn N biết được thông tin Trần Thị Thu H và Nguyễn Thị T2 liên quan đến vụ án đánh bạc đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thụ lý, giải quyết. N đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là có quan hệ quen biết với nhiều người làm trong cơ quan pháp luật và có thể nhờ những người này để giúp cho chị Trần Thị Thu H không phạm tội còn chị Nguyễn Thị T2 được hưởng án treo để Trần Thị Thu H và Nguyễn Văn B (là chồng của Nguyễn Thị T2) tin tưởng giao tiền cho N. Số tiền N đã chiếm đoạt của Trần Thị Thu H và Nguyễn Văn B là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự địa phương, gián tiếp ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan tư pháp thực thi pháp luật. Thời điểm phạm tội, bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt lớn, gây hoang mang dư luận quần chúng. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo còn chủ động giao nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của những bị hại để nhằm khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra. Tại phiên tòa, bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng và các khoản tiền trong vụ án:

- Đối với 01 đĩa DVD chứa 09 file ghi âm các cuộc gọi giữa Nguyễn Văn B và Lương Văn N do Nguyễn Văn B giao nộp: Đây là chứng cứ chứng minh phạm tội nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 Pro max có gắn sim số 0911 770 991 thu của Lương Văn N:

- Đối với số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng Lương Văn Nghĩa giao nộp, trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền 100.000.000 đồng; trả cho chị Trần Thị Thu H số tiền 100.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lương Văn N** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lương Văn N** 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (02/8/2023).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

3.1 Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD.

3.2 Trả lại cho bị cáo 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, imei 354860892243.840, có gắn sim số 0911770991, imei sim 89840200010696134857.

3.3 Trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; trả lại cho chị Trần Thị Thu H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Thực hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 28 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 25/8/2023 của Kho bạc Nhà nước tỉnh B.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bản án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (PV06, PC10);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Công an thành phố Bà Rịa;
- Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dânHội thẩm nhân dânThẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Khoa Nguyễn Thị Tuyết Hồng Chu Thị Thanh Tâm